

Bài 33 Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp

1. Các nhân tố tác động tới tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở nước ta

Sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp chịu tác động của nhiều nhân tố tự nhiên, kinh tế – xã hội, kĩ thuật, lịch sử... Chính sự tác động tổng hợp, đồng thời của các nhân tố này lên các hoạt động nông nghiệp trên các vùng lãnh thổ khác nhau của nước ta đã là cơ sở cho tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

Sự phân hoá các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tạo nên chung cho sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp, chẳng hạn như ở trung du, miền núi có điều kiện thuận lợi để phát triển các mô hình nông – lâm nghiệp, trồng các cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn. Còn vùng đồng bằng có thể mạnh trồng các cây lương thực, thực phẩm, nói chung là các cây ngắn ngày, chăn nuôi gia cầm, gia súc nhỏ (lợn), nuôi trồng thủy sản. Trên nền chung ấy mà các nhân tố kinh tế – xã hội, kĩ thuật, lịch sử... có tác động khác nhau. Trong điều kiện của nền kinh tế tự cấp tự túc, sản xuất nhỏ thì sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp bị chi phối chủ yếu bởi các điều kiện tự nhiên. Nhưng khi đã trở thành nền nông nghiệp hàng hoá, thì các nhân tố kinh tế – xã hội tác động rất mạnh, làm cho tổ chức lãnh thổ nông nghiệp chuyển biến.

2. Các vùng nông nghiệp ở nước ta

Ở nước ta hiện nay, tổ chức lãnh thổ nông nghiệp được xác định theo 7 vùng nông nghiệp và công nghiệp chế biến. Chúng ta có thể so sánh ở những nét khái quát các vùng này về điều kiện sinh thái nông nghiệp, điều kiện kinh tế – xã hội, trình độ thâm canh, sự chuyên môn hoá sản xuất.

Dựa vào bảng tóm tắt dưới đây, đối chiếu với bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam, bản đồ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (hoặc Atlas Địa lí Việt Nam), hãy trình bày các đặc điểm chủ yếu của một vùng nông nghiệp (ví dụ, vùng Đồng bằng sông Hồng).

Bảng 33.1. Tóm tắt một số đặc điểm nổi bật của 7 vùng nông nghiệp

Vùng	Điều kiện sinh thái nông nghiệp	Điều kiện kinh tế – xã hội	Trình độ thâm canh	Chuyên môn hoá sản xuất
Trung du và miền núi Bắc Bộ	<ul style="list-style-type: none"> – Núi, cao nguyên, đồi thấp. – Đất feralit đỏ vàng, đất phù sa cổ bạc màu. – Khí hậu cận nhiệt đới, ôn đới trên núi, có mùa đông lạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> – Mật độ dân số tương đối thấp. Dân có kinh nghiệm sản xuất lâm nghiệp, trồng cây công nghiệp. – Ở vùng trung du có các cơ sở công nghiệp chế biến. Điều kiện giao thông tương đối thuận lợi. – Ở vùng núi còn nhiều khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> – Nhìn chung trình độ thâm canh thấp; sản xuất theo kiểu quảng canh, đầu tư ít lao động và vật tư nông nghiệp. Ở vùng trung du trình độ thâm canh đang được nâng cao. 	<ul style="list-style-type: none"> – Cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (chè, trầu, sô, hồi...). – Đậu tương, lạc, thuốc lá. – Cây ăn quả, cây dược liệu. – Trâu, bò lấy thịt và sữa, lợn (trung du).
Đồng bằng sông Hồng	<ul style="list-style-type: none"> – Đồng bằng châu thổ có nhiều ô trũng. – Đất phù sa sông Hồng và sông Thái Bình. – Có mùa đông lạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> – Mật độ dân số cao nhất cả nước. – Dân có kinh nghiệm thâm canh lúa nước. – Mạng lưới đô thị dày đặc ; các thành phố lớn tập trung công nghiệp chế biến. – Quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá đang được đẩy mạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình độ thâm canh khá cao, đầu tư nhiều lao động. – Áp dụng các giống mới, cao sản, công nghệ tiến bộ. 	<ul style="list-style-type: none"> – Lúa cao sản, lúa có chất lượng cao. – Cây thực phẩm, đặc biệt là các loại rau cao cấp. Cây ăn quả. – Đay, cói. – Lợn, bò sữa (ven thành phố lớn), gia cầm, nuôi thủy sản nước ngọt (ở các ô trũng), thủy sản nước mặn, nước lợ.
Bắc Trung Bộ	<ul style="list-style-type: none"> – Đồng bằng hẹp, vùng đồi trước núi. – Đất phù sa, đất feralit (có cả đất badan). – Thường xảy ra thiên tai (bão, lụt), nạn cát bay, gió Lào. 	<ul style="list-style-type: none"> – Dân có kinh nghiệm trong đấu tranh chinh phục tự nhiên. – Có một số đô thị vừa và nhỏ, chủ yếu ở dải ven biển. Có một số cơ sở công nghiệp chế biến. 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình độ thâm canh tương đối thấp. Nông nghiệp sử dụng nhiều lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> – Cây công nghiệp hàng năm (lạc, mía, thuốc lá...). – Cây công nghiệp lâu năm (cà phê, cao su). – Trâu, bò lấy thịt ; nuôi thủy sản nước mặn, nước lợ.

Vùng	Điều kiện sinh thái nông nghiệp	Điều kiện kinh tế – xã hội	Trình độ thâm canh	Chuyên môn hoá sản xuất
Duyên hải Nam Trung Bộ	<ul style="list-style-type: none"> – Đồng bằng hẹp, khá màu mỡ. – Có nhiều vùng biển thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản. – Dễ bị hạn hán về mùa khô. 	<ul style="list-style-type: none"> – Có nhiều thành phố, thị xã dọc dải ven biển. – Điều kiện giao thông vận tải thuận lợi. 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình độ thâm canh khá cao. Sử dụng nhiều lao động và vật tư nông nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> – Cây công nghiệp hàng năm (mía, thuốc lá). – Cây công nghiệp lâu năm (dừa). – Lúa. – Bò thịt, lợn. – Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
Tây Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> – Các cao nguyên badan rộng lớn, ở các độ cao khác nhau. – Khí hậu phân ra hai mùa mưa, khô rõ rệt. Thiếu nước về mùa khô. 	<ul style="list-style-type: none"> – Có nhiều dân tộc ít người, còn tiến hành nông nghiệp kiểu cổ truyền. – Có các nông trường. – Công nghiệp chế biến còn yếu. – Điều kiện giao thông còn hạn chế. 	<ul style="list-style-type: none"> – Ở khu vực nông nghiệp cổ truyền, quảng canh là chính. Ở các nông trường, các nông hộ, trình độ thâm canh đang được nâng lên. 	<ul style="list-style-type: none"> – Cà phê, cao su, chè, dầu tầm, hồ tiêu. – Bò thịt và bò sữa.
Đông Nam Bộ	<ul style="list-style-type: none"> – Các vùng đất badan và đất xám phù sa cổ rộng lớn, khá bằng phẳng. – Các vùng trũng có khả năng nuôi trồng thủy sản. – Thiếu nước về mùa khô. 	<ul style="list-style-type: none"> – Có các thành phố lớn, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. – Tập trung nhiều cơ sở công nghiệp chế biến. – Điều kiện giao thông vận tải thuận lợi. 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình độ thâm canh cao. Sản xuất hàng hoá, sử dụng nhiều máy móc, vật tư nông nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> – Các cây công nghiệp lâu năm (cao su, cà phê, điều). – Cây công nghiệp ngắn ngày (đậu tương, mía). – Nuôi trồng thủy sản. – Bò sữa (ven thành phố lớn), gia cầm.
Đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> – Các dải phù sa ngọt, các vùng đất phèn, đất mặn. – Vịnh biển nông, ngư trường rộng. – Các vùng rừng ngập mặn có tiềm năng để nuôi trồng thủy sản. 	<ul style="list-style-type: none"> – Có thị trường rộng lớn là vùng Đông Nam Bộ. – Điều kiện giao thông vận tải thuận lợi. – Có mạng lưới đô thị vừa và nhỏ, có các cơ sở công nghiệp chế biến. 	<ul style="list-style-type: none"> – Trình độ thâm canh cao. Sản xuất hàng hoá, sử dụng nhiều máy móc, vật tư nông nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> – Lúa, lúa có chất lượng cao. – Cây công nghiệp ngắn ngày (mía, đậu, coi). – Cây ăn quả nhiệt đới. – Thủy sản (đặc biệt là tôm). – Gia cầm (đặc biệt là vịt đàn).

3. Những thay đổi trong tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở nước ta

a) Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp của nước ta trong những năm qua thay đổi theo hai xu hướng chính

- Tăng cường chuyên môn hoá sản xuất, phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu. Điều này xảy ra đặc biệt mạnh ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long là những vùng có nhiều tiềm năng để sản xuất nông nghiệp hàng hoá. Như vậy là các điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi đang cho phép khai thác có hiệu quả hơn các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của các vùng.
- Đẩy mạnh đa dạng hoá nông nghiệp, đa dạng hoá kinh tế nông thôn. Việc đẩy mạnh đa dạng hoá nông nghiệp cho phép khai thác hợp lý hơn sự đa dạng, phong phú của điều kiện tự nhiên, sử dụng tốt hơn nguồn lao động, tạo thêm việc làm và nông sản hàng hoá, mặt khác cũng giảm thiểu rủi ro nếu thị trường nông sản có biến động bất lợi. Cùng chính quá trình này đã tăng cường thêm sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp.

Bảng 33.2. Xu hướng thay đổi trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp theo vùng

Các sản phẩm nông nghiệp chính	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
Lúa gạo	+	++	+	+	-	-	+++ ↑
Trâu, bò	+++	+	++	++	+	+	-
Lợn	++↗	+++↗	++	+	-	+	++ ↗
Gia cầm		+++↑					+++↑
Thủy sản nước ngọt	+ ↗	++ ↗	- ↗			+↗	+++ ↗

Chè búp	+++	+	+		++ ↗		
Cà phê			+		+++ ↑	++ ↑	
Cao su			+	-	++ ↗	+++ ↗	
Dừa			-	++ ↗		+ ↗	+++ ↗
Đay		+++ ↘					++ ↗
Cói		+++ ↗	++ ↗				++ ↗
Đậu tương	+++	++ ↑			++ ↑	+++ ↘	+
Mía	-	-	+	++	-	+	+++
Điêu					+	+++	

Chú thích : Mức độ tập trung sản xuất theo vùng lãnh thổ :

rất cao +++
trung bình +

cao ++
không đáng kể -

Xu hướng biến động :

tăng ↗

giảm ↘

tăng mạnh ↑

giảm mạnh ↓

Đọc bảng 33.2 theo hàng ngang, hãy phát biểu về đặc điểm phân bố sản xuất lúa gạo và thủy sản nước ngọt.

Đọc bảng 33.2 theo cột, hãy trình bày các sản phẩm nông nghiệp chuyên môn hoá của Đồng bằng sông Hồng và xu hướng biến đổi trong sản xuất các sản phẩm này.

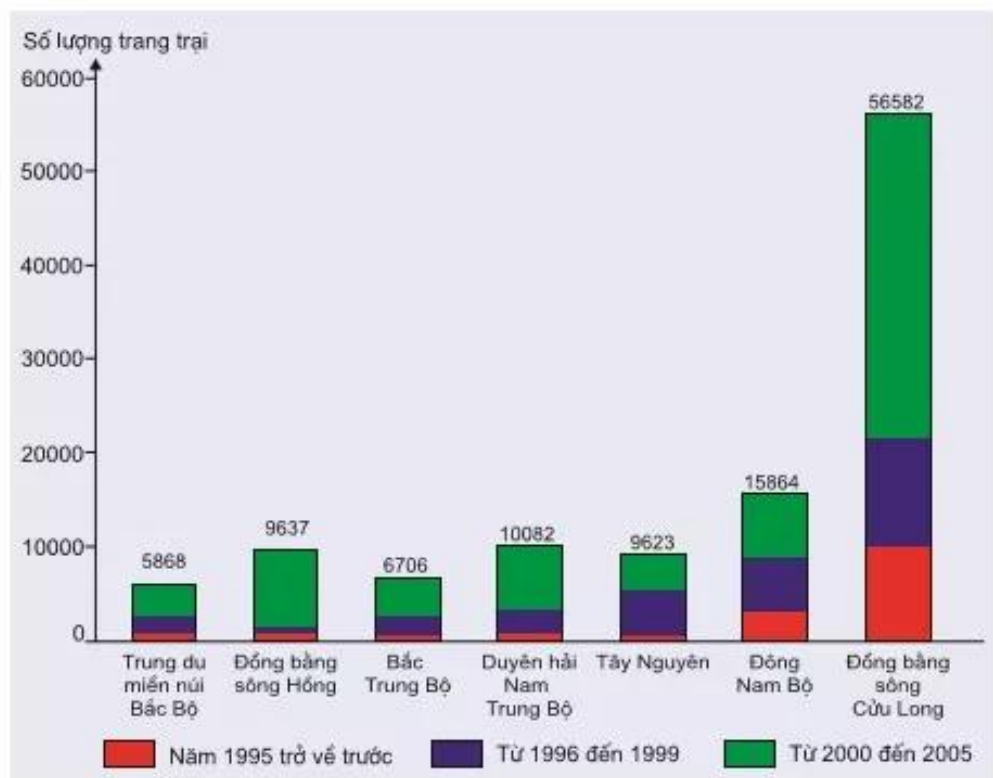
b) Kinh tế trang trại có bước phát triển mới, thúc đẩy sản xuất nông – lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá

Kinh tế trang trại ở nước ta phát triển từ kinh tế hộ gia đình, nhưng từng bước đã đưa nông nghiệp thoát khỏi tình trạng tự cấp, tự túc lên sản xuất hàng hoá. Số lượng trang trại cả nước phân theo loại hình sản xuất như sau :

Bảng 33.3. Số lượng và cơ cấu trang trại phân theo loại hình sản xuất

Loại hình sản xuất	Năm 2001		Năm 2006	
	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
Tổng số	61017	100,0	113730	100,0
Trồng cây hàng năm	21754	35,7	32611	28,7
Trồng cây lâu năm	16578	27,2	22918	20,1
Chăn nuôi	1761	2,9	16708	14,7
Lâm nghiệp	1668	2,7	2661	2,3
Nuôi trồng thủy sản	17016	27,8	34202	30,1
Sản xuất kinh doanh tổng hợp	2240	3,7	4630	4,1

Trang trại phát triển sớm và tập trung nhiều ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Thời kì đầu tập trung phát triển các trang trại trồng cây lâu năm (ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ), nhưng trong mấy năm gần đây, trang trại chăn nuôi có tốc độ phát triển nhanh nhất (chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long), rồi đến các trang trại nuôi trồng thủy sản và sản xuất kinh doanh tổng hợp.



Hình 33. Số lượng trang trại phân theo năm thành lập ở các vùng

Quan sát hình 33 và dựa vào kiến thức đã học, hãy giải thích tại sao kinh tế trang trại lại rất phát triển ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu hỏi và bài tập

- Lấy ví dụ chứng minh rằng các điều kiện tự nhiên tạo nền chung cho sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp, còn các nhân tố kinh tế – xã hội làm phong phú thêm và làm biến đổi sự phân hoá đó.
- Tìm sự khác nhau trong chuyên môn hoá nông nghiệp giữa :
 - Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.
 - Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long.
 Giải thích nguyên nhân của sự khác nhau đó.
- Tại sao việc phát triển các vùng chuyên canh nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến lại có ý nghĩa rất quan trọng đối với tổ chức lãnh thổ nông nghiệp và phát triển kinh tế – xã hội nông thôn ?